

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA
(Từ ngày 21 đến 31/3/2026)

1. Lưu vực sông Hồng

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Sông Thao: Trong 10 ngày qua, trên sông Thao mực nước có dao động nhỏ.
- Sông Lô: Trong 10 ngày qua, mực nước trên sông Lô dao động và chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.

- Sông Đà:

Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.

- Sông Hồng: - Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm chịu ảnh hưởng điều tiết các thủy điện tuyến trên và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Sông Thao: Trong 11 ngày tới, trên sông Thao mực nước tiếp tục có dao động.

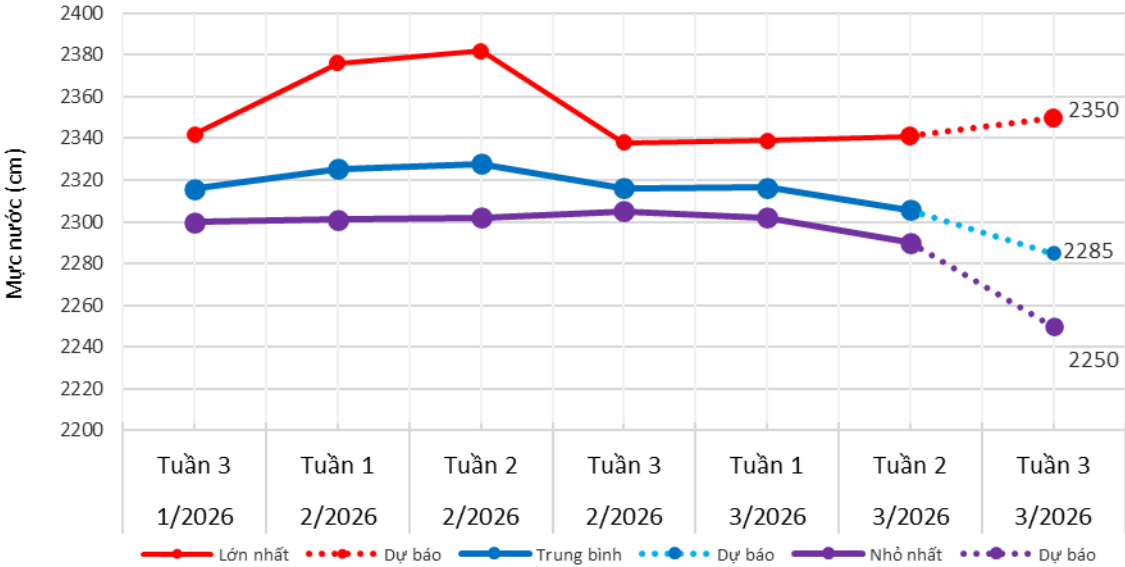
- Sông Lô: Mực nước trên sông Lô sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.

- Sông Đà:

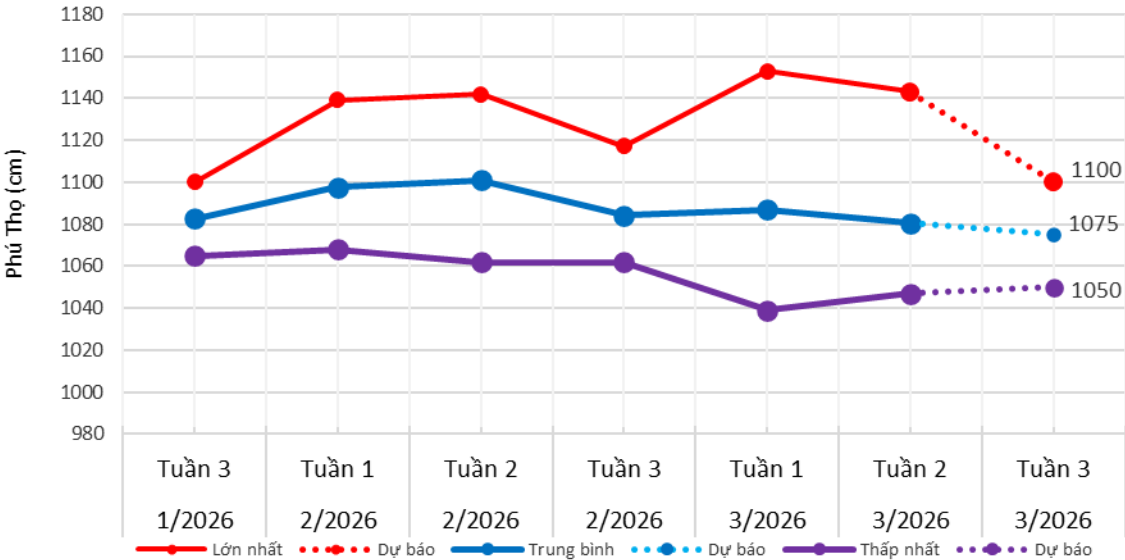
Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.

- Sông Hồng: - Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều.

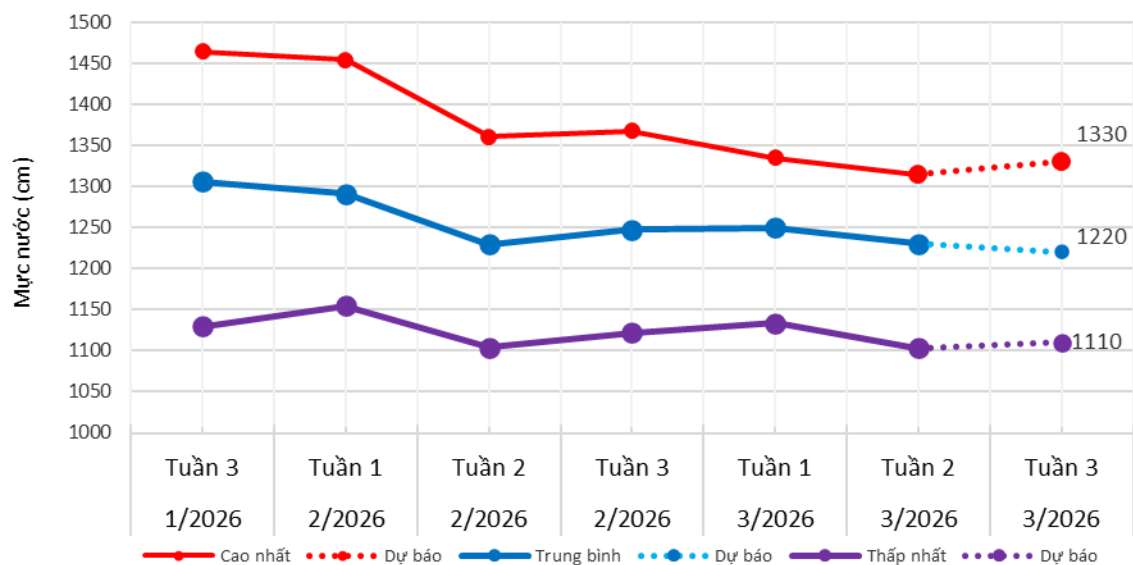
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM YÊN BÁI (SÔNG THAO)



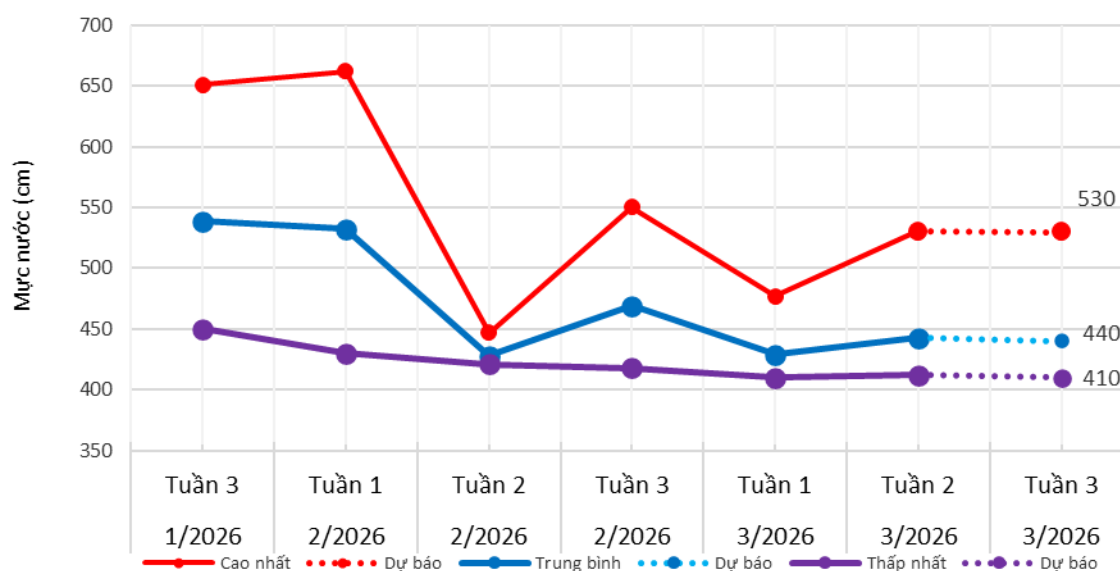
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHÚ THỌ (SÔNG THAO)

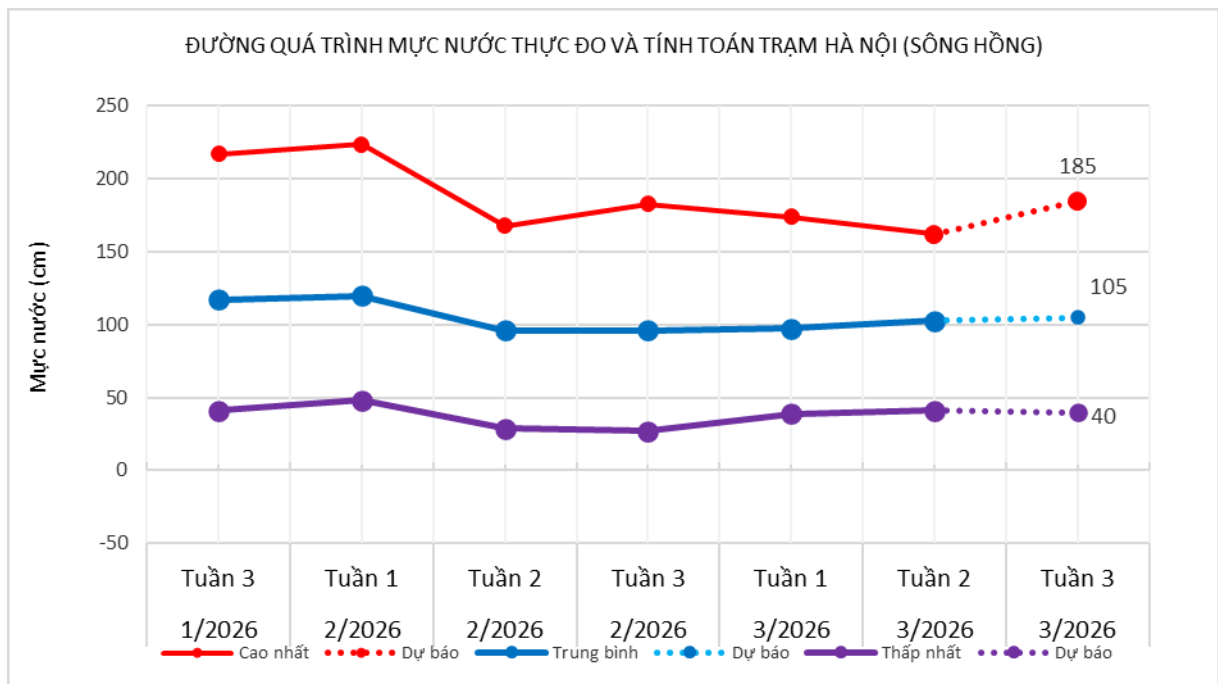
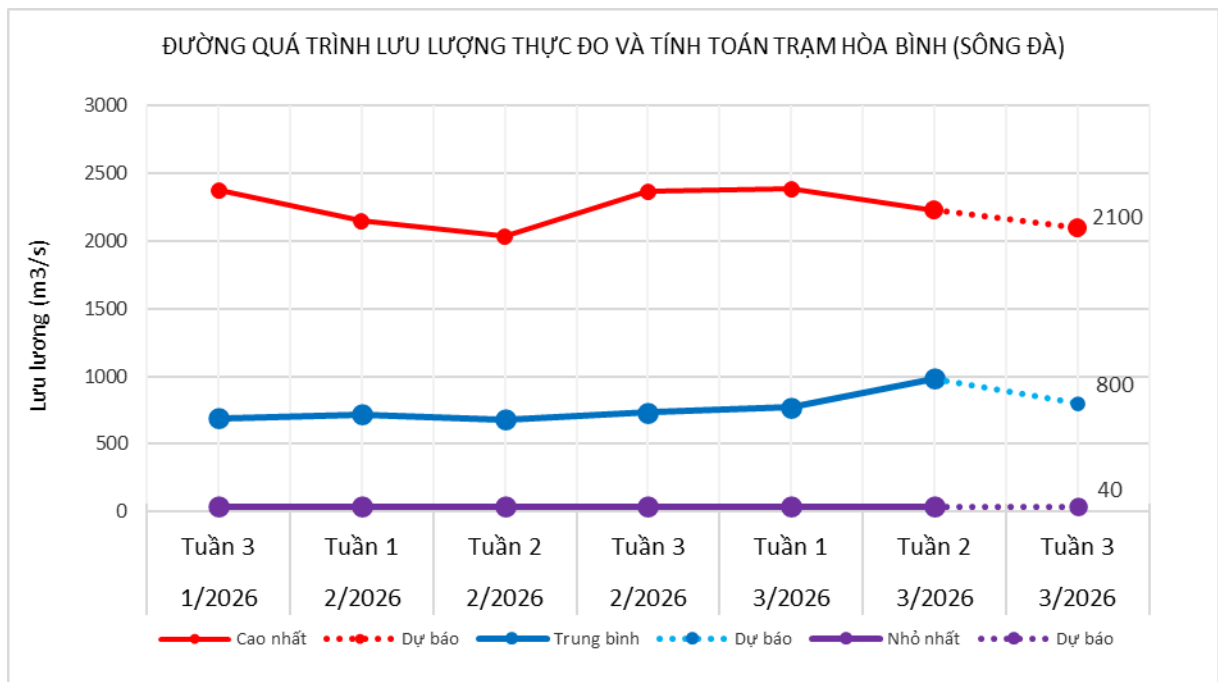


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TUYẾN QUANG (SÔNG LÔ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM VỤ QUANG (SÔNG LÔ)





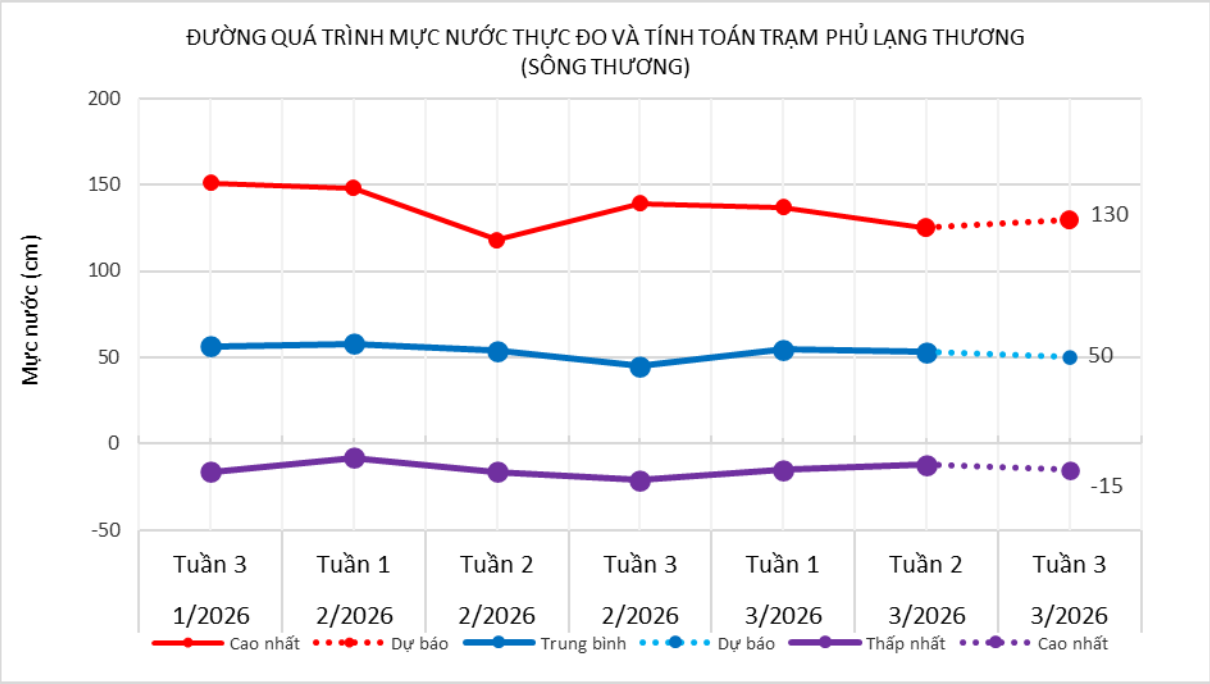
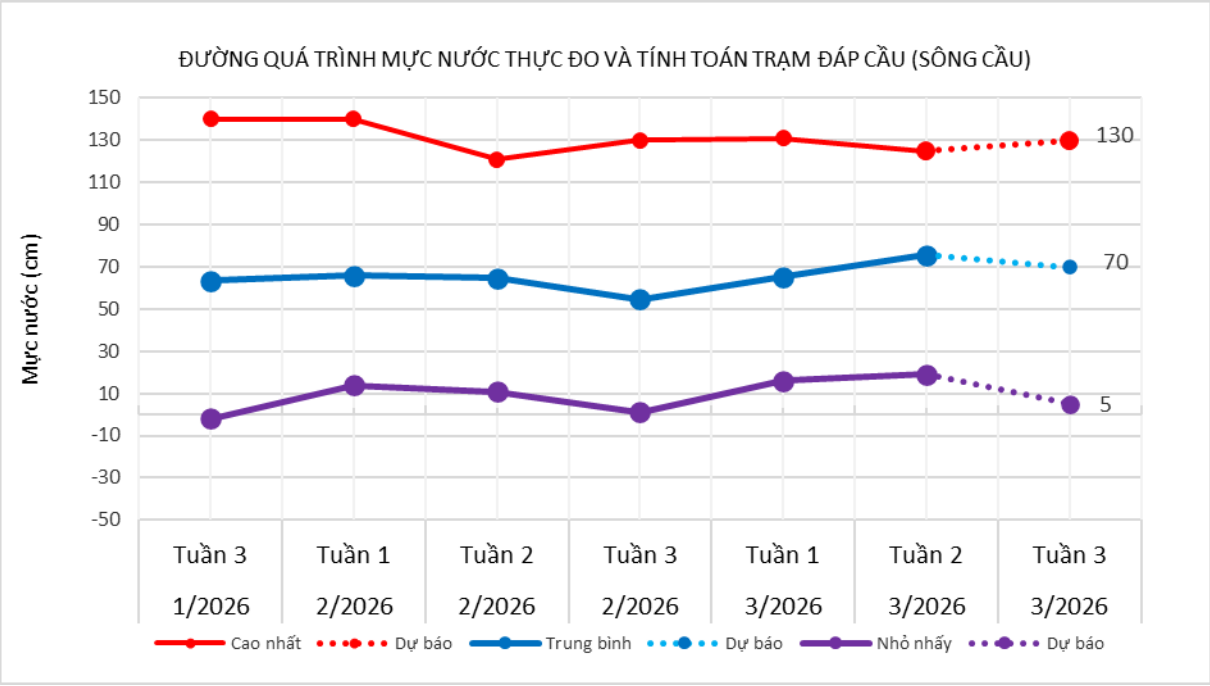
2. Lưu vực sông Thái Bình

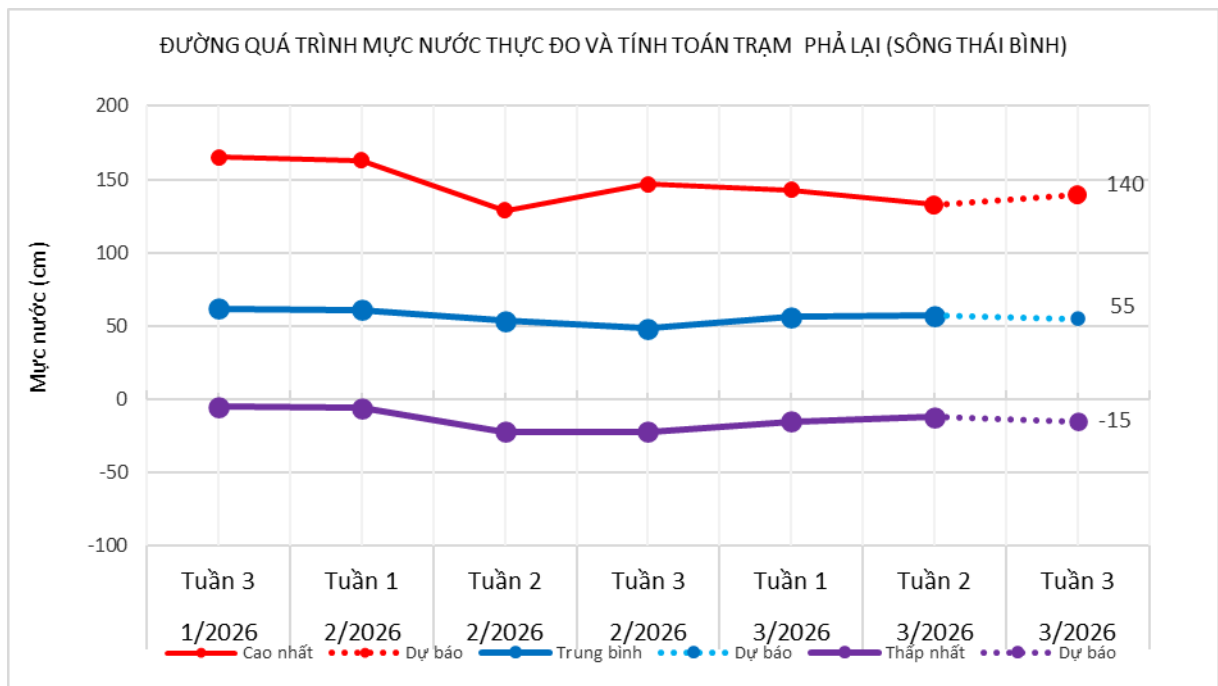
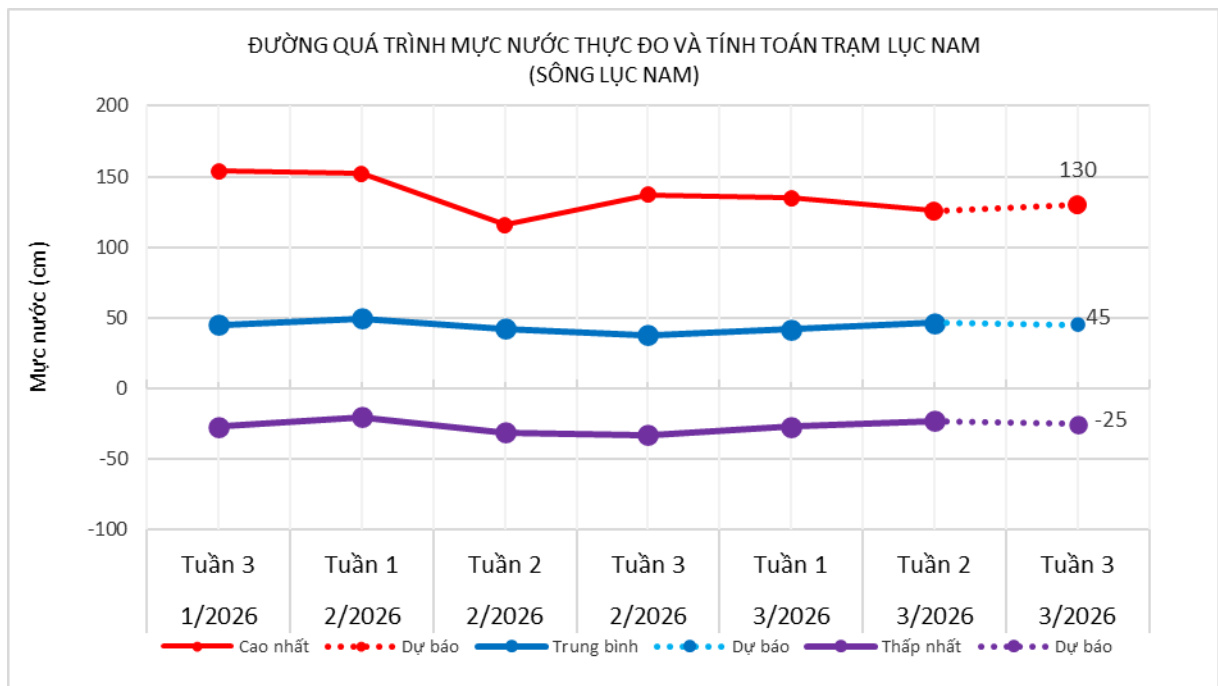
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Trong 10 ngày qua, trên thượng lưu và trung lưu sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam, mực nước biến đổi chậm; ở hạ lưu các sông chịu ảnh hưởng của thủy triều. Mực nước sông Thái Bình tại Phả Lại dao động theo thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Trong 10 ngày tới, mực nước ở thượng lưu và trung lưu các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình tiếp tục biến đổi chậm, hạ lưu chịu ảnh hưởng của thủy triều. Mực nước sông Thái Bình tại Phả Lại tiếp tục dao động chịu ảnh hưởng của thủy triều.





3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tuần, mực nước thượng lưu các sông biến đổi chậm; trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa; hạ lưu biến đổi theo triều.

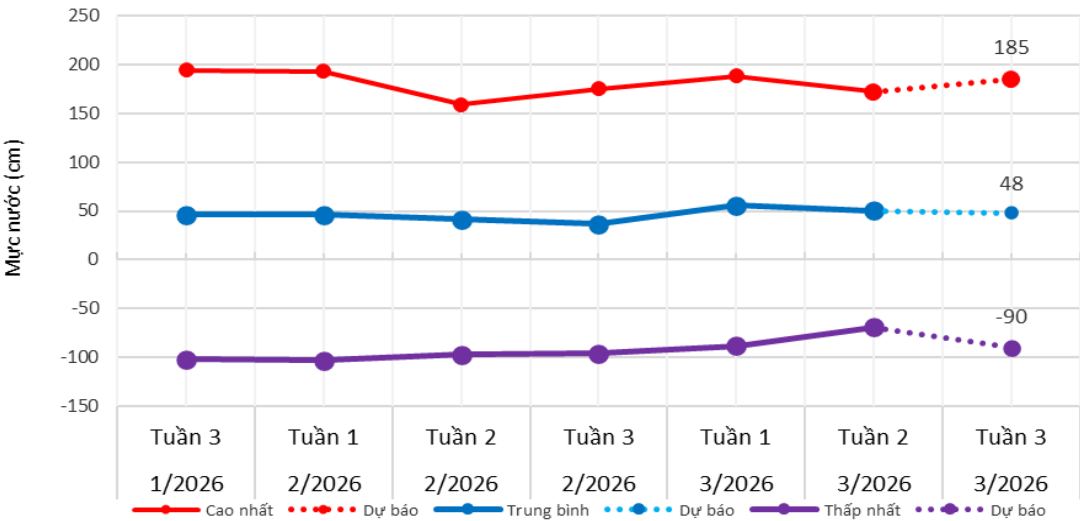
- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mực nước trên các sông có dao động.

b. Dự báo, cảnh báo

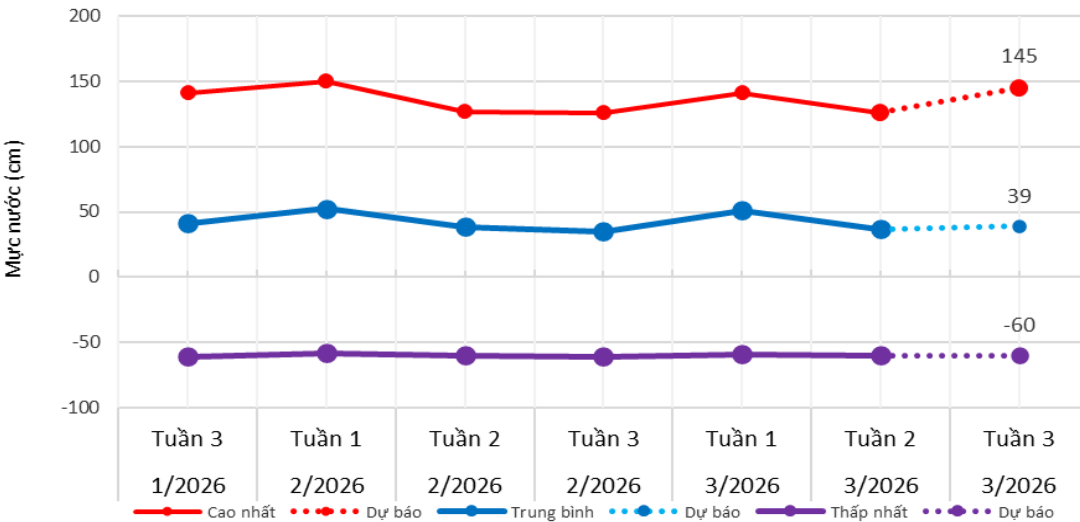
- Các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong những ngày tới, thượng lưu các sông biến đổi chậm; trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa; hạ lưu biến đổi theo triều.

- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mực nước trên các sông biến đổi chậm.

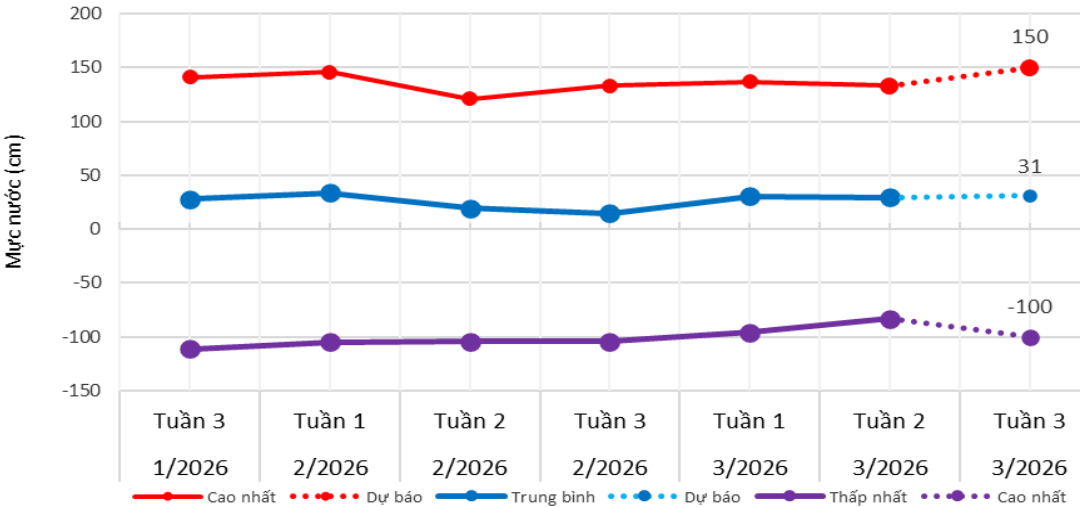
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM GIÀNG (SÔNG MÃ)

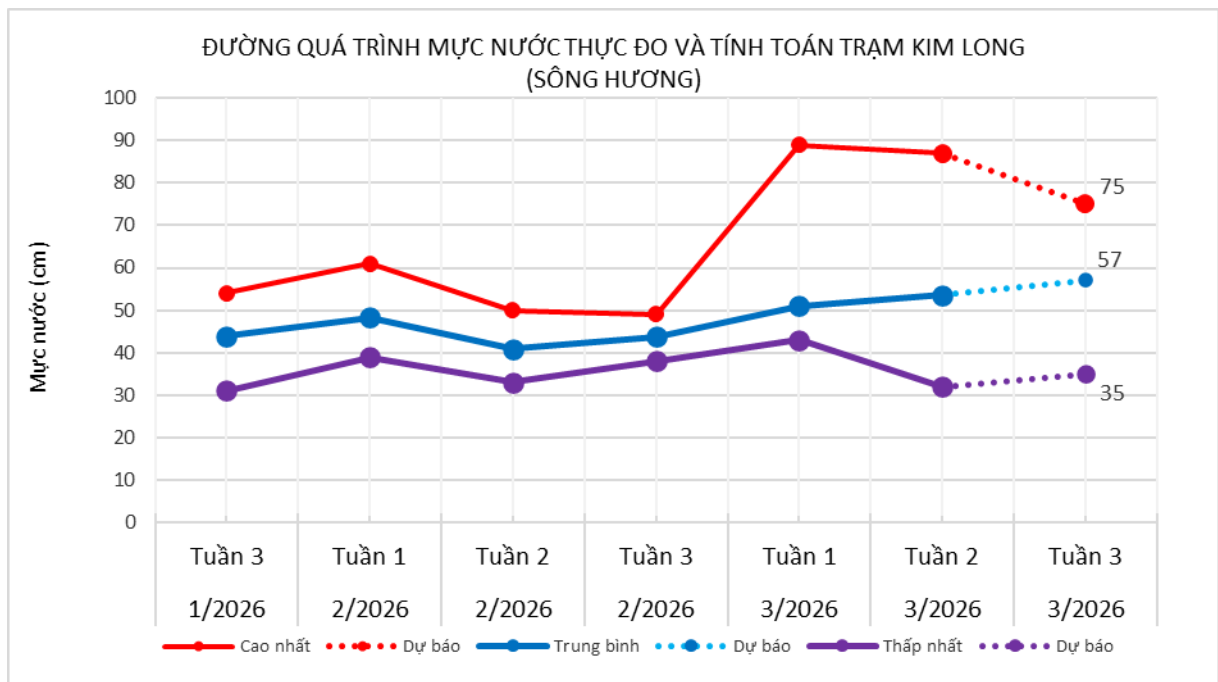
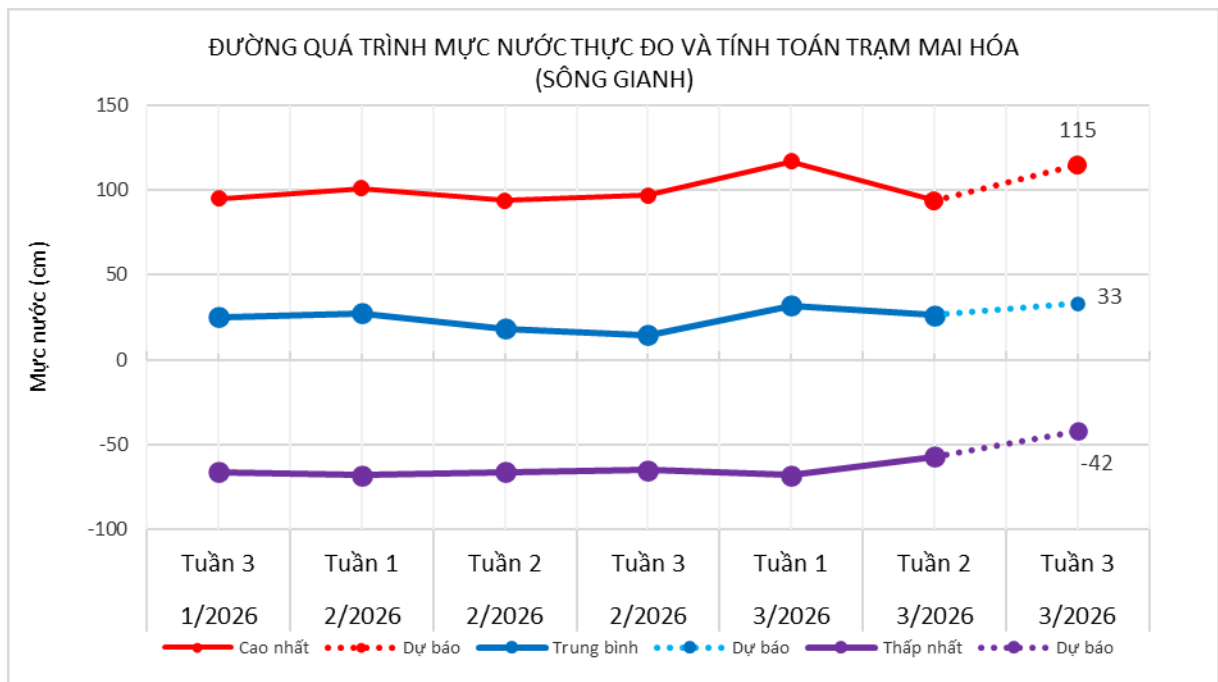


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM NAM ĐÀN (SÔNG CẢ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LINH CẨM (SÔNG LA)





4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

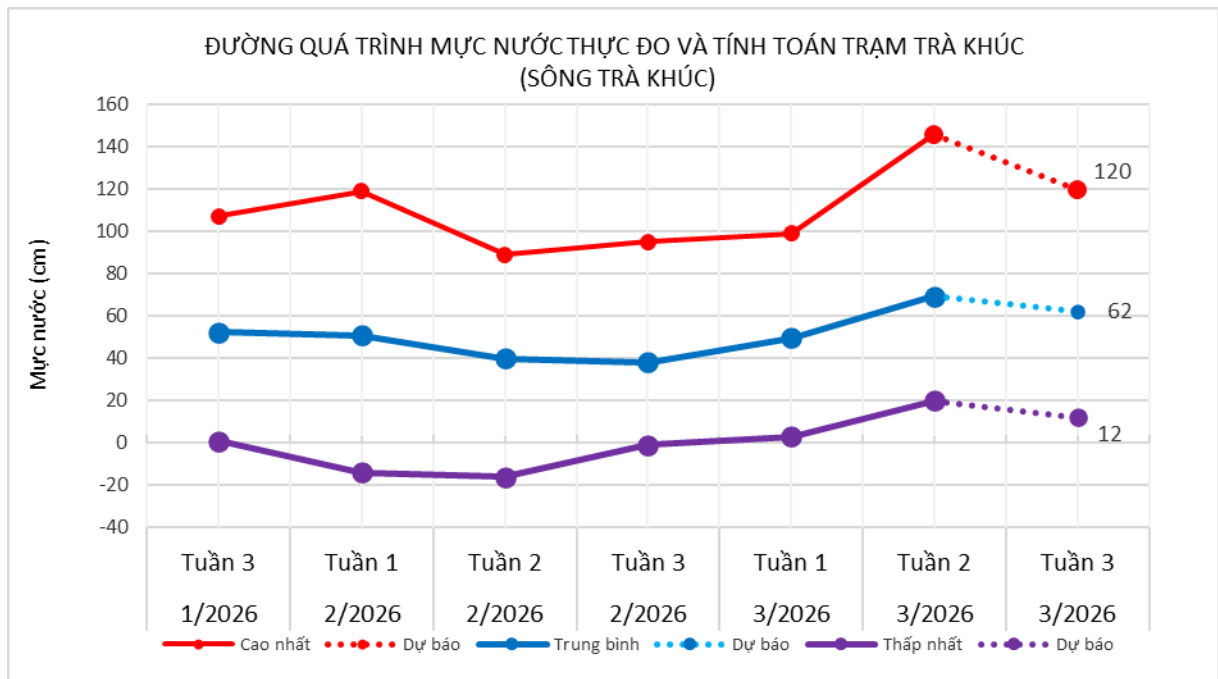
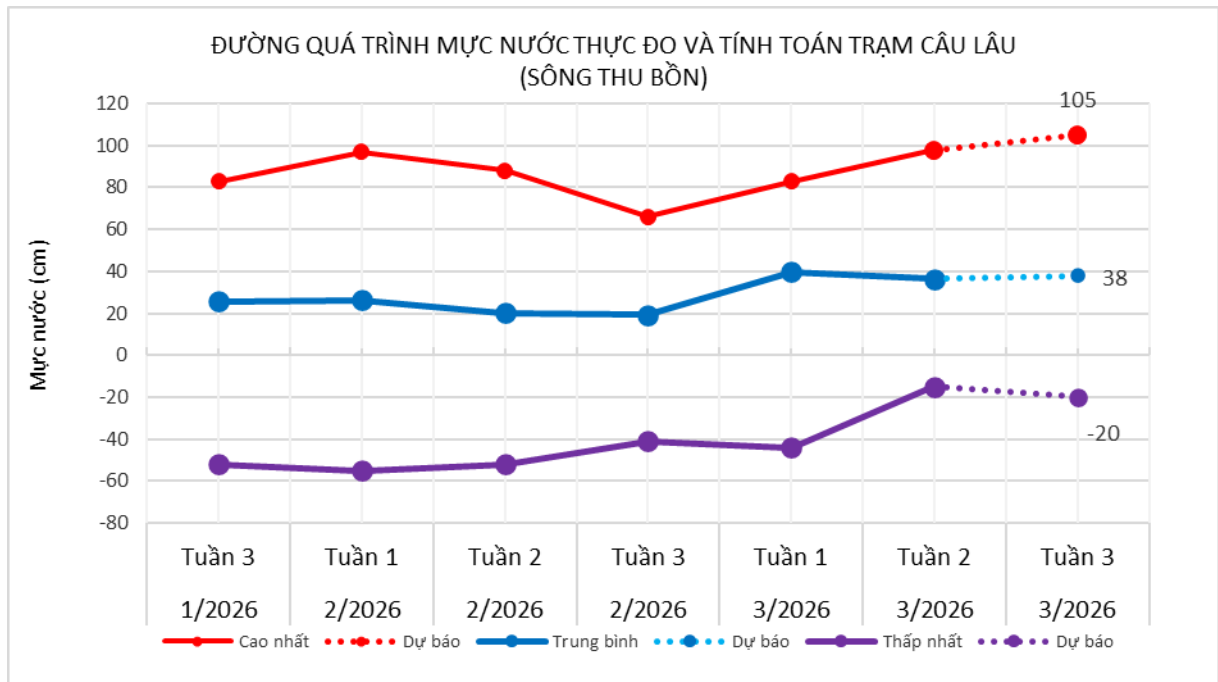
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

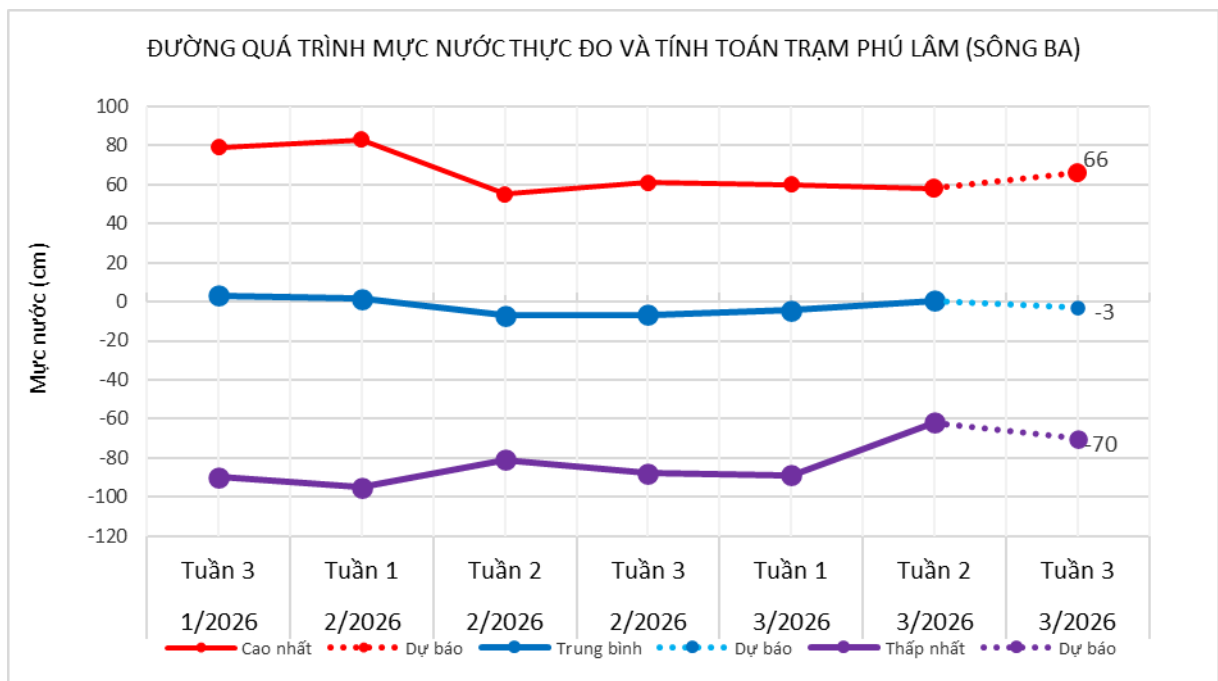
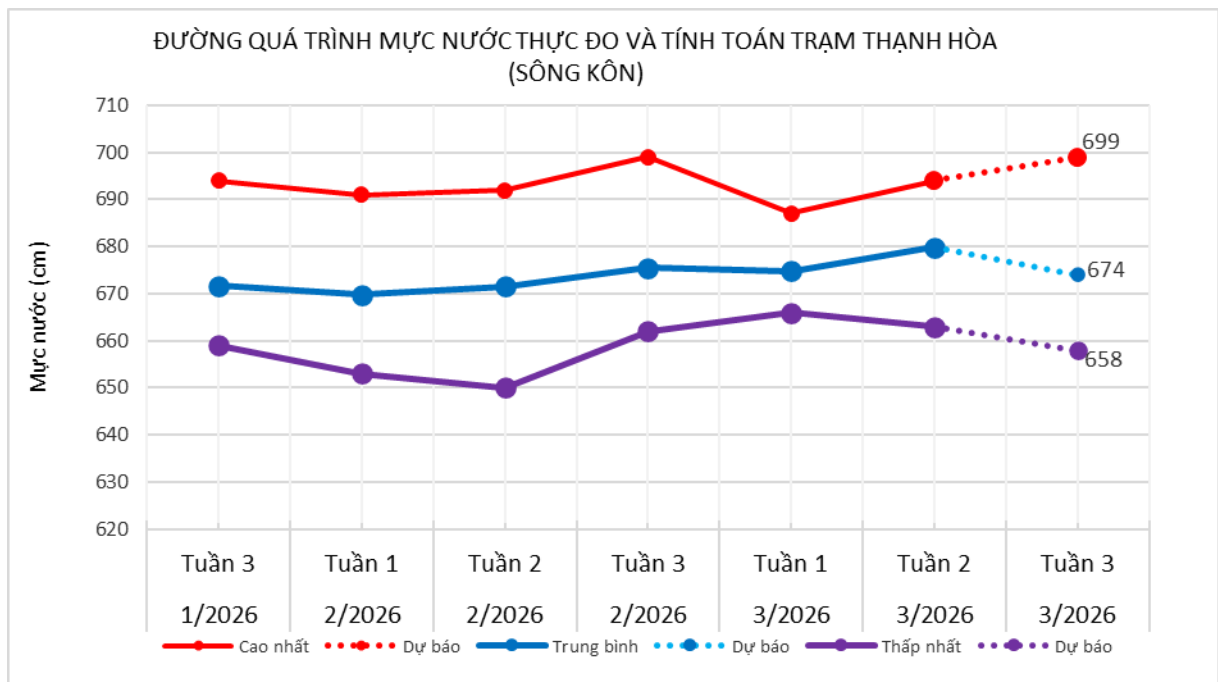
- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước trung, thượng lưu các sông có dao động, hạ lưu các sông dao động theo điều tiết hồ chứa.
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mực nước trên các sông biến đổi và có xuất hiện dao động nhỏ. Mực nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thanh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Mức nước trung, thượng lưu các sông biến đổi chậm, hạ lưu các sông dao động theo điều tiết hồ chứa.

- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mức nước trên các sông biến đổi chậm. Mức nước hạ lưu trên sông Kôn tại trạm Thanh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi, hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.





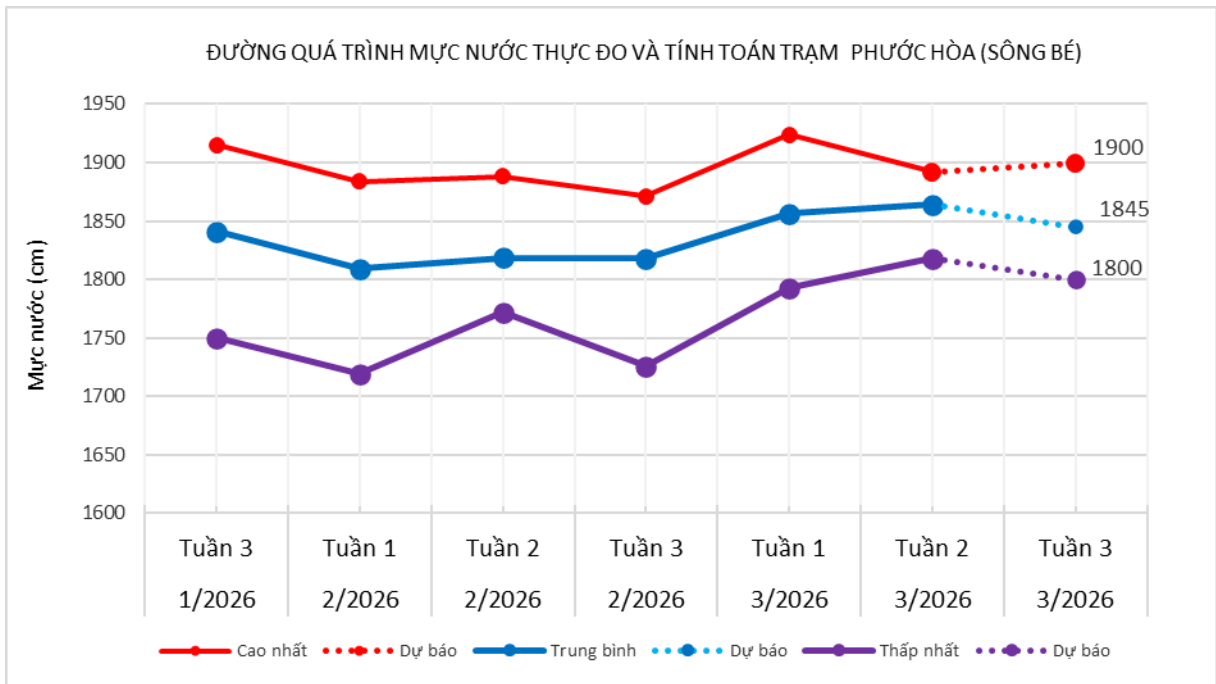
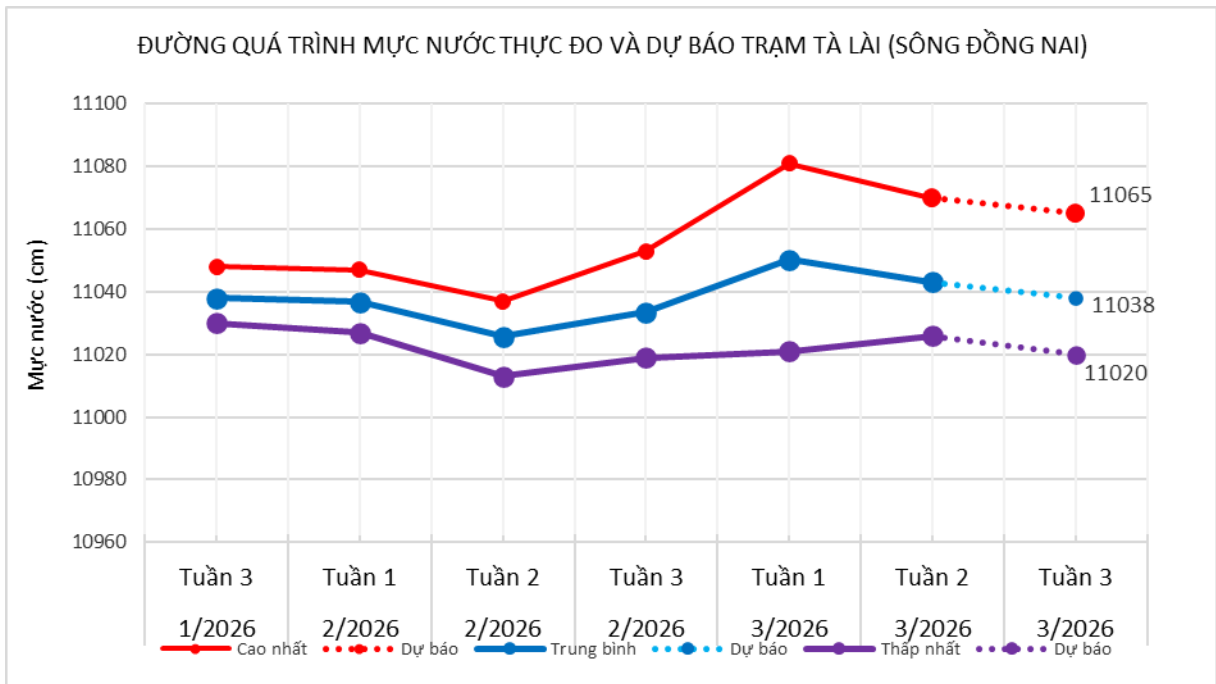
5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Đồng Nai xuất hiện dao động nhỏ, trên sông Bé dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Đồng Nai sẽ biến đổi chậm, sông Bé tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.



6. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

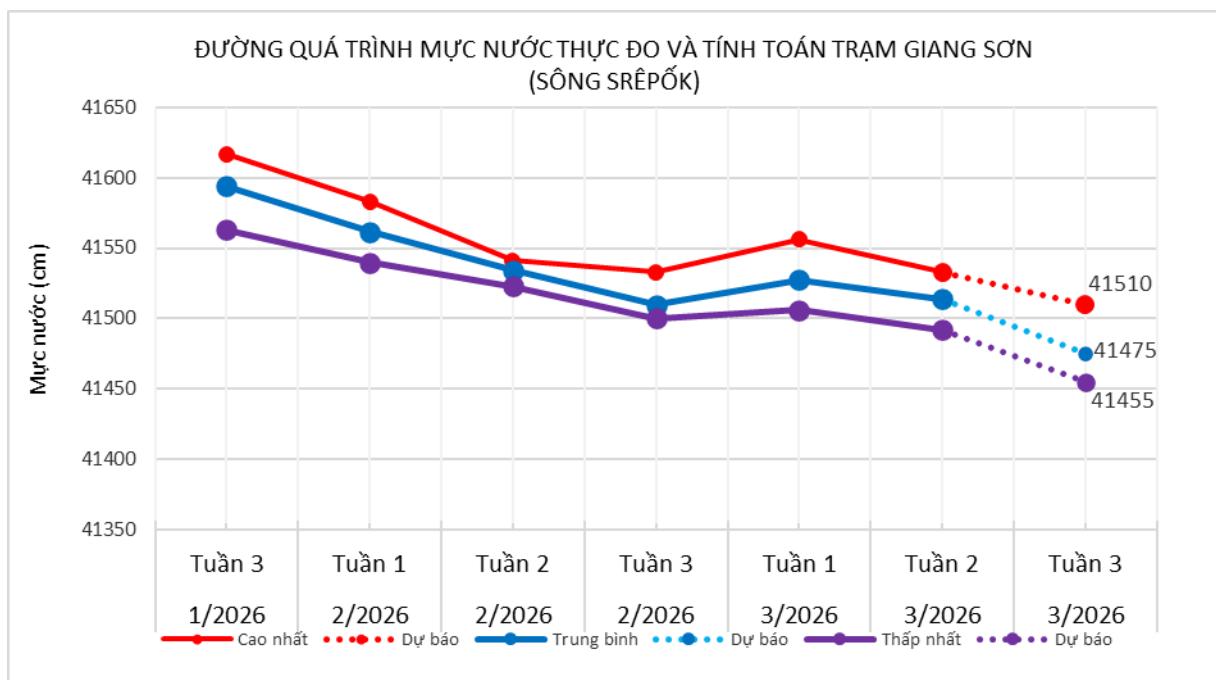
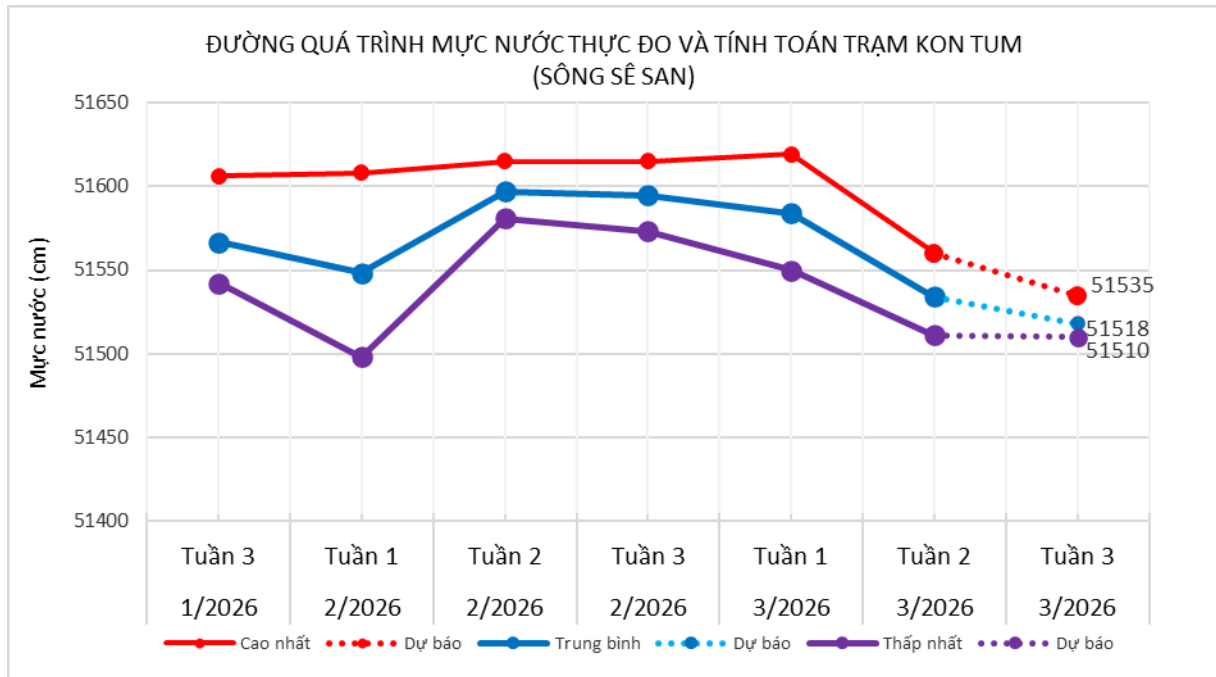
- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Mức nước trên sông Krông Ana biến đổi chậm theo xu thế xuống dần, mức nước các sông khác dao động theo vận hành của hồ chứa thủy điện và các công trình thủy lợi.

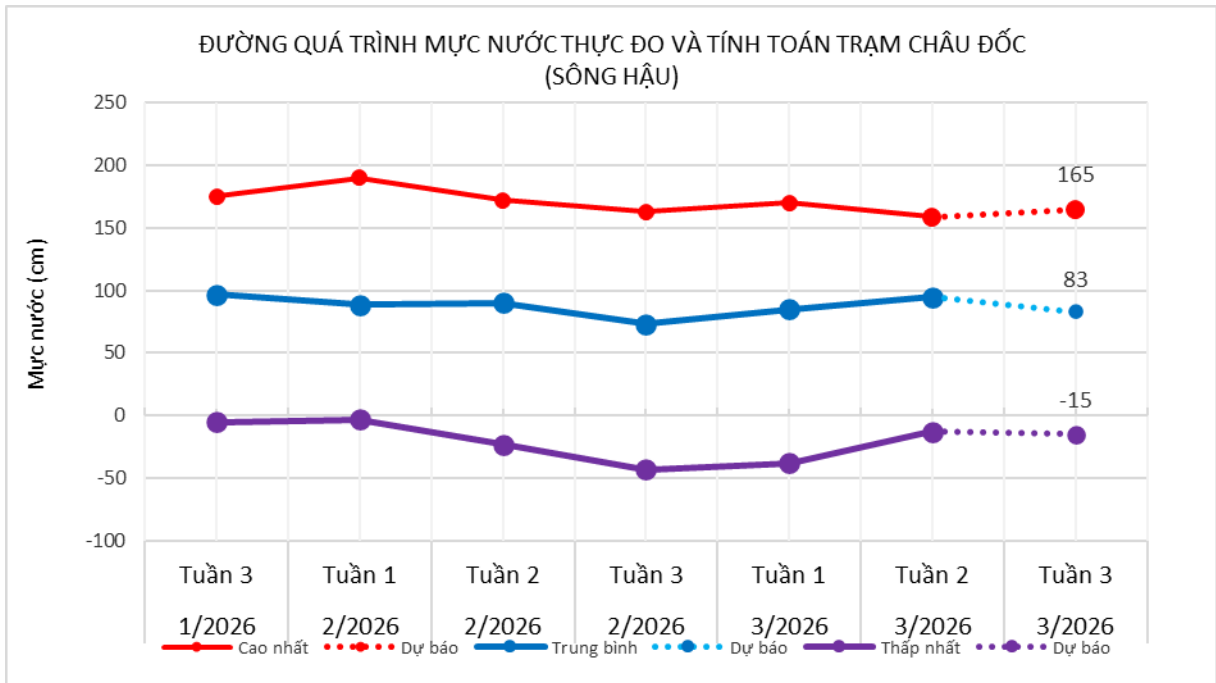
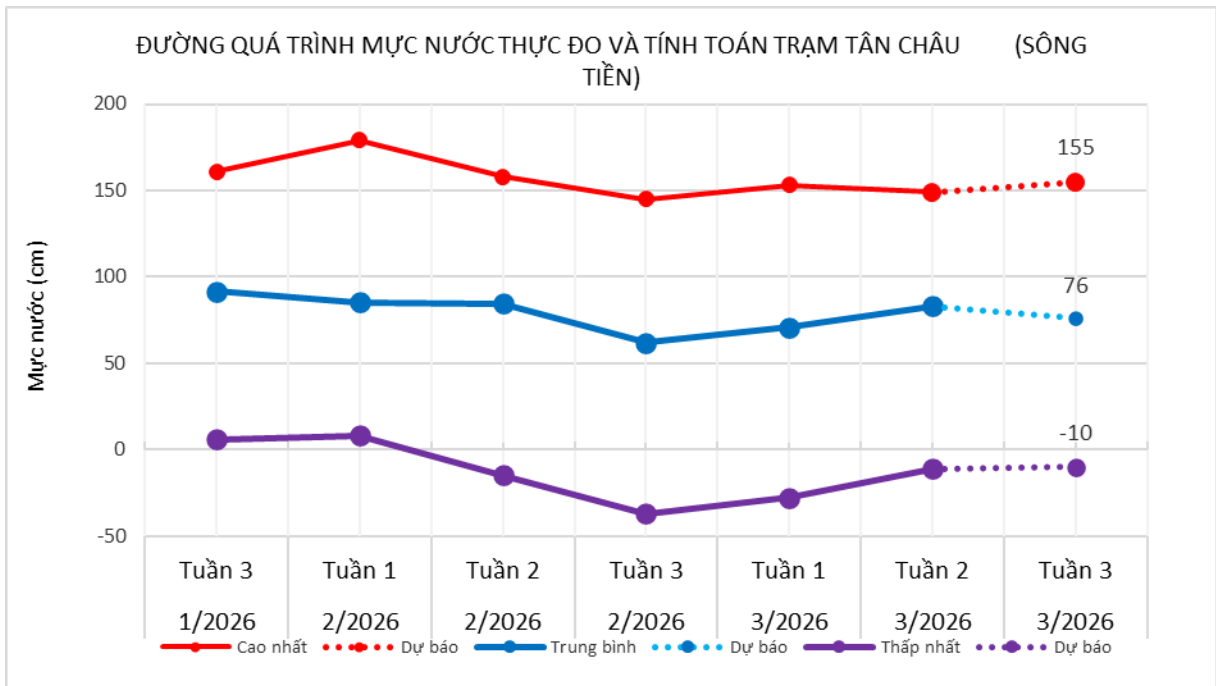
- Sông Cửu Long: Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo thủy triều. Mức nước cao nhất trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 1,49m là (ngày 20/3), trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 1,59m (ngày 20/3).

b. Dự báo, cảnh báo

- Hệ thống sông Sê San - Srêpôk: Mức nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành hồ chứa thủy điện. Mức nước trên sông Krông Ana biến đổi chậm theo xu thế xuống.

- Sông Cửu Long: Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều. Trong 10 ngày tới, mực nước cao nhất tại Tân Châu ở mức 1,55m, tại Châu Đốc ở mức 1,65m. Trong 05 ngày tiếp theo, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi theo triều.





Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/04/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	969	2229	40	850	2100	40	750	2000	40	800	2100	40
Thao	Yên Bái	2306	2341	2290	2290	2350	2250	2280	2340	2280	2285	2350	2250
Thao	Phú Thọ	1082	1143	1047	1080	1100	1060	1070	1095	1050	1075	1100	1050
Lô	Tuyên Quang	1227	1314	1103	1225	1330	1120	1215	1320	1110	1220	1330	1110
Lô	Vũ Quang	440	519	412	450	530	415	430	520	410	440	530	410
Cầu	Đáp Cầu	75	125	19	60	100	10	70	130	5	70	130	5
Thương	Phủ Lạng Thương	56	125	-12	45	100	-10	55	130	-15	50	130	-15
Lục Nam	Lục Nam	50	126	-23	35	95	-20	50	130	-25	45	130	-25
Hồng	Hà Nội	103	162	41	105	170	40	105	185	40	105	185	40
Thái Bình	Phả Lại	56	133	-12	45	105	-10	60	140	-15	55	140	-15
Mã	Giàng	50	172	-69	50	185	-90	46	155	-70	48	185	-90
Cả	Nam Đàn	37	126	-60	42	145	-60	36	125	-45	39	145	-60
La	Linh cảm	30	133	-83	32	150	-100	30	120	-90	31	150	-100
Gianh	Mai Hóa	26	94	-57	31	115	-38	35	110	-42	33	115	-42
Hương	Kim Long	54	87	32	55	68	40	58	75	35	57	75	35
Thu Bồn	Câu Lâu	38	98	-15	35	105	-10	40	100	-20	38	105	-20
Trà Khúc	Trà Khúc	70	146	20	58	100	12	65	120	20	62	120	12
Kôn	Thanh Hòa	673	694	663	675	699	660	672	699	658	674	699	658
Đà Rằng	Phú Lâm	1	58	-62	-2	65	-65	-3	66	-70	-3	66	-70
Đăkbla	Kon Tum	51534	51560	51511	51515	51530	51510	51520	51535	51515	51518	51535	51510
Krông Ana	Giang Sơn	41514	41533	41492	41485	41510	41475	41465	41480	41455	41475	41510	41455
Đồng Nai	Tà Lài	11044	11070	11026	11040	11065	11025	11035	11055	11020	11038	11065	11020
Bé	Phước Hòa	1864	1892	1818	1850	1900	1810	1840	1880	1800	1845	1900	1800

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Tiền	Tân Châu	78	149	-11	77	155	-2	75	150	-10	76	155	-10
Hậu	Châu Đốc	86	159	-13	86	165	-5	80	155	-15	83	165	-15